

Phụ lục 3.6

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (CHUYÊN VỀ CẤP TỈNH, CẤP XÃ)

Đơn vị bàn giao: UBND thị xã Đức Phổ (trước sắp xếp)

(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư sau điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã giao từ năm 2021-2024				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú	
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó: Ngân sách thị xã (*)	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tỉnh phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tăng thu, TNC...) của thị xã		Vốn tỉnh phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tăng thu, TNC...) của thị xã		Vốn tỉnh phân cấp	Vốn đất thị xã		Vốn khác (tăng thu, TNC...) của thị xã
1	2	3	4	5	6	7	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	TỔNG SỐ							2,095,081	1,228,639	246,287	158,273	634,829	164,175	359,052	111,602	523,625	122,081	319,052	82,492	110,938	41,828	40,000	29,110	
A	NHÓM DỰ ÁN HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ CHUYÊN VỀ TỈNH							2,022,890	1,156,448	246,287	158,273	562,208	116,106	337,092	109,010	469,486	89,902	297,092	82,492	92,722.269	26,204.280	40,000.000	26,517.989	
A1	Dự án được bố trí quyết toán từ năm 2021-2024							959,964	642,273	246,287	158,273	329,530	71,926	213,470	44,134	329,530	71,926	213,470	44,134	-	-	-	-	-
1	Tuyến đường Võ Trung Thành đến giáp đường tránh Đông (Nút 24)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phổ Minh	2017-2021	2136/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	49,900	10,000			1,652	-	1,652	-	1,652	-	1,652	-					
2	Đập ngăn giữ nước, khơi thông dòng chảy và kè chống sạt lở suối Cầu Gạch	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Xã Phổ Cường thị xã Đức Phổ	2023-2024	4740/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	10,000	10,000			9,633	-	500	9,133	9,633	-	500	9,133					
3	2120.7937535-Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt thị xã Đức Phổ	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Xã Phổ Nhơn, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ	2022-2023	13672/QĐ-UBND ngày 09/12/2021; 1952/QĐ-UBND ngày 20/5/2022; 1131/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	14,995	14,995			11,446	-	10,196	1,250	11,446	-	10,196	1,250					
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Phổ Minh - Phổ Văn (đoạn Phổ Văn)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	phường Phổ Văn	2023	4996/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	6,500	6,500			5,659	-	1,800	3,859	5,659	-	1,800	3,859					
5	Trường Mầm non Phổ Thạnh. Hạng mục: 04 phòng học, hệ thống PCCC và thoát nước ngoài nhà	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phường Phổ Thạnh	2023	5002/QĐ-UBND ngày 28/11/2022; 7314/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	7,000	7,000			6,770	6,770	-	-	6,770	6,770	-	-					
6	Trường Mầm non Phổ Minh. Hạng mục: Xây dựng mới 02 phòng 02 tầng (Giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Xã Phổ An	2023	5001/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	1,900	1,900			1,816	616	1,200	-	1,816	616	1,200	-					
7	Trường Mầm non Phổ An. Hạng mục: Xây dựng 02 phòng 02 tầng (Giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Xã Phổ An	2023	5001/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	1,900	1,900			1,820	1,311	509	-	1,820	1,311	509	-					
8	Trường Tiểu học số 3 Phổ Thạnh. Hạng mục: 06 phòng học bộ môn và nhà hiệu bộ	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phường Phổ Thạnh	2023-2024	4998/QĐ-UBND ngày 25/11/2022; 5239/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	11,500	11,500			10,442	8,442	2,000	-	10,442	8,442	2,000	-					
9	Trường THCS Phổ Nhơn. Hạng mục: Xây dựng mới 04 phòng bộ môn và khu vệ sinh	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	xã Phổ Nhơn	2023	4999/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	5,500	5,500			5,144	1,944	3,200	-	5,144	1,944	3,200	-					
10	Hệ thống điện chiếu sáng các trục đường chính trên địa bàn thị xã	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Các xã, phường: Phổ Thuận, Phổ An, Phổ Cường, Phổ Khánh, Phổ Nhơn, Nguyễn Nghiêm	2024	6915/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	5,971	5,971			5,525	3,583	1,792	150	5,525	3,583	1,792	150					
11	Trường THCS Phổ Thạnh; HM: Xây dựng mới 12 phòng học, hệ thống PCCC	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phường Phổ Thạnh	2022-2023	13677/QĐ-UBND ngày 9/12/2021; 1872/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	12,374	12,374			11,601	-	11,601	-	11,601	-	11,601	-	-				
12	Đường Huỳnh Thúc Kháng	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	phường Phổ Minh, Phổ Hoà	2022-2023	13592/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	36,325	16,325			6,506	-	6,506	-	6,506	-	6,506	-	-				
13	Trường Mầm non Phổ Thuận; HM: Nhà hiệu bộ, 02 phòng và sân vườn	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	xã Phổ Thuận	2022	13693/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	5,712	5,712			4,464	-	-	4,464	4,464	-	-	4,464					
14	Trường THCS Nguyễn Nghiêm; HM: Xây dựng mới 04 phòng học bộ môn và nhà vệ sinh	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phường Nguyễn Nghiêm	2022-2023	13692/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; 1871/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	6,000	6,000			5,755	-	745	5,010	5,755	-	745	5,010					

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư sau điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lấy kế vốn đã giao từ năm 2021-2024				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú	
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó: Ngân sách thị xã (*)	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã		Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã		Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã		Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã
1	2	3	4	5	6	7	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
15	Công trình Hồ chứa nước Cây Xoài	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ			Phố Thạnh	2011-2021	914/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	60,006	12,001	3,575	3,575	6,018	-	3,000	3,018	6,018	-	3,000	3,018					
16	Đường Đức Phổ - Phố Khánh	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	phường Phố Minh, Phố Vinh	2021-2022	602/QĐ-UBND ngày 09/02/2021	7,900	7,900	-		6,411	3,000	-	3,411	6,411	3,000	-	3,411					
17	Công trình Cầu Đập Mỏ Còi và đường dẫn	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Nhom	2020-2021	Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	21,634		8,600	8,600	7,449	-	6,717	732	7,449	-	6,717	732					
18	Tuyến đường QL1 - Bến Bè	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	phường Nguyễn Nghiêm	2020-2021	877/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	12,607	12,607	-		11,805	4,485	-	7,320	11,805	4,485	-	7,320					
19	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phía Bắc đường Ngô Quyền	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phường Phố Minh		424/QĐ-UBND ngày 02/2/2024	855	855	-		100	-	-	100	100	-	-	100					
20	Trường Mầm non Phố Nhom; Hạng mục: sân vườn	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	xã Phố Nhom	17/3/2022 10/6/2022	13670/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	1,144	1,144	-		1,070	1,070	-	-	1,070	1,070	-	-	-				
21	Trường Mầm non Phố Ván; HM: 04 phòng, nhà hiệu bộ, nhà bếp, sân vườn	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phường Phố Ván	2022	13694/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	9,087	9,087	-		7,912	7,912	-	-	7,912	7,912	-	-	-				
22	Trường TH Phố Vinh; HM: Xây dựng mới 04 phòng học bộ môn	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phường Phố Vinh	2022	13676/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	3,200	3,200	-		2,621	2,621	-	-	2,621	2,621	-	-	-				
23	Đầu tư khẩn cấp công trình kê chống sạt lở bờ tả sông thoa, đoạn qua phường Phố Quang, thị xã Đức Phổ	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Quang	2020-2021	Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 30/6/2020	14,500	14,500	13,000	13,000	371	371	-	-	371	371	-	-	-				
24	Trường TH Phố Nhom; HM: 04 phòng học, 02 phòng bộ môn và sân vườn	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Xã Phố Nhom	03/3/2022 29/9/2022	13695/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	4,559	4,559	-		4,002	-	4,002	-	4,002	-	4,002	-	-				
25	Trường TH Nguyễn Nghiêm; HM: XD 06 PH-02 tầng, nhà vệ sinh, hệ thống PCCC	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phường Nguyễn Nghiêm	1/7/2022 12/3/2023	13675/QĐ-UBND ngày 9/12/2021 ; 1873/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	7,000	7,000	-		6,761	-	6,761	-	6,761	-	6,761	-	-				
26	Xây dựng 12 phòng học của Trung tâm GDNN-GDTX	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phường Nguyễn Nghiêm	06/7/2022 25/5/2023	13691/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; 1870/QĐ-UBND ngày 18/05/2022	12,514	12,514	-		11,714	-	11,714	-	11,714	-	11,714	-	-				
27	Kênh thoát nước chống ngập ứng Đồng Lau	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	xã Phố Khánh	14/3/2022 15/7/2023	13688/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	8,000	8,000	-		5,945	-	5,945	-	5,945	-	5,945	-	-				
28	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu xử lý liên hợp chất thải rắn thị xã Đức Phổ; Hạng mục: Đường dẫn đường Đức Phổ - Km 7(QL24)giai đoạn 2	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Nhom	2020-2021	3410/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	14,995	14,995	2,000	2,000	12,669	5,000	7,669	-	12,669	5,000	7,669	-	-				
29	Cầu Bến Bè	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Nhom	2020-2021	3448/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	17,463	17,463	3,000	3,000	12,826	-	12,826	-	12,826	-	12,826	-	-				
30	Nâng cấp, mở rộng tuyến Đường Đức Phổ -Phố Khánh (ĐH.47) (các đoạn còn lại)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	phường Phố Vinh, xã Phố Khánh	30/6/2022 - 27/3/2023	13671/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	10,857	10,857	-		10,472	-	10,472	-	10,472	-	10,472	-	-				
31	Cầu Đập Giăng	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	phường Phố Minh	18/03/2022 - 28/11/2022	13669/QĐ-UBND ngày 09/12/2021; 4826/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	8,959	8,959	-		6,365	-	6,365	-	6,365	-	6,365	-	-				
32	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đường Phạm Hữu Nhật	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phường Phố Minh, thị xã Đức Phổ	2022-2026	424/QĐ-UBND ngày 02/02/2024	475	475	-		469	-	469	-	469	-	469	-	-				

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư sau điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lấy kế vốn đã giao từ năm 2021-2024				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú			
							Quyết định đầu tư	TMDT		Ngân sách thị xã (*)	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số		Trong đó		
														Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã		Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã			Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã
1	2	3	4	5	6	7	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
33	Khu tái định cư Đồng Cây Cao	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Thuận	2015-2017	Quyết định số 6740/QĐ-UBND ngày 24/9/2014	8,940	8,940	-		5,246	-	5,246	-	5,246	-	5,246	-						
34	Tuyến đường Võ Thị Sáu	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Minh	2020-2021	4110/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	10,000	10,000	3,601	3,601	6,648	-	6,648	-	6,648	-	6,648	-						
35	Cầu Sộp và đường dẫn	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	xã Phố Phong	01/05/2022 - 06/7/2023	13590/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 4827/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	10,000	10,000	-		1,287	-	1,287	-	1,287	-	1,287	-						
36	Hệ thống thoát nước trung tâm đô thị Đức Phổ	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Nguyễn Nghiêm	2019-2021	Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 07/8/2019	20,000	20,000	12,236	12,236	5,581	3,530	2,051	-	5,581	3,530	2,051	-						
37	Cải tạo, nâng cấp khu tường niệm liệt sĩ Đức Phổ	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ	19/9/2022- 18/3/2023	2144/QĐ-UBND ngày 06/6/2022	11,000	11,000	-		10,794	-	10,794	-	10,794	-	10,794	-						
38	Cải tạo, mở rộng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn TX Đức Phổ	Phòng quản lý đô thị		C	Trên địa bàn thị xã	2022-2023	13687/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	14,950	14,950	-		13,806	-	13,806	-	13,806	-	13,806	-						
39	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Vinh (phần khu 2)	Phòng quản lý đô thị		C	Phố Vinh	2022-2023	Quyết định số 12765/QĐ-UBND ngày 20/10/2021	4,884		-		3,417	-	3,417	-	3,417	-	3,417	-						
40	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang tập trung của thị xã tại xã Phố Phong	Phòng quản lý đô thị		C	Phố Phong	2022-2023	Quyết định số 12913/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	1,395	1,395	-		1,184	-	1,184	-	1,184	-	1,184	-	-					
41	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang tập trung của thị xã tại xã Phố Cường	Phòng quản lý đô thị		C	Phố Cường	2022-2023	Quyết định số 12911/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	1,750	1,750	-		1,514	-	1,514	-	1,514	-	1,514	-	-					
42	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang tập trung của thị xã tại xã Phố Khánh	Phòng quản lý đô thị		C	Phố Khánh	2022-2023	12912/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	1,775	1,775	-		1,535	-	1,535	-	1,535	-	1,535	-	-					
43	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang tập trung của thị xã tại xã Phố Châu	Phòng quản lý đô thị		C	Phố Châu	2022-2023	Quyết định số 12915/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	1,380	1,380	-		1,170	-	1,170	-	1,170	-	1,170	-	-					
44	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn thị xã Đức Phổ	Phòng quản lý đô thị		C	Phố Nhơn	2022-2023	Quyết định số 12747/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	1,259		-		1,087	-	1,087	-	1,087	-	1,087	-	-					
45	Đường Trung tâm thị trấn Đức Phổ	Phòng quản lý đô thị		C	thị trấn	2005-2019	Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 08/10/2004	8,928	8,928	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-					
46	Tuyến đường ĐH.417(Phố Ninh - Ba Khâm)	Phòng quản lý đô thị		C	Phố Ninh	2019-2021	Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	35,000	35,000	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-					
47	Hệ thống thoát nước trung tâm Thị Trấn Đức Phổ	UBND huyện Đức Phổ (này là UBND thị xã Đức Phổ)		C	phường Nguyễn Nghiêm	2018-2020	2035/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	41,998		23,200		-	-	-	-	-	-	-	-	-					
48	Tuyến đường Quốc lộ 1A - Bến Bè (DH43)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Ninh, Phố Nhơn	2020-2021	Quyết định số 4119/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12,000	12,000	-		6,165	-	2,437	3,728	6,165	-	2,437	3,728						
49	Khắc phục khẩn cấp hư hỏng các công trình do cơn bão số 9, số 10 gây ra trên địa bàn thị xã năm 2020	Phòng kinh tế thị xã Đức Phổ		C	Trên địa bàn thị xã	2020-2021	3625/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	9,800	9,800	1,686	1,686	4,352	2,820	-	1,532	4,352	2,820	-	1,532						
50	Trong cây xanh cảnh quan tại Núi Giang	Phòng kinh tế thị xã Đức Phổ		C	Nguyễn nghiêm, Phố Minh	2016-2021	Quyết định số 5773/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	15,630	15,630	14,569	14,569	427	-	-	427	427	-	-	427						
51	Trường mầm non Phố Châu (04 phòng học)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Châu	2020-2021	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	5,266		1,600	1,600	712	712	-	-	712	712	-	-						
52	Trường MN Nguyễn Nghiêm; HM: 06 phòng học, nhà bếp, sân vườn	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phường Nguyễn Nghiêm	22/3/2021 20/9/2021	444/QĐ-UBND ngày 27/01/2021	6,000	6,000	-		2,672	2,672	-	-	2,672	2,672	-	-						

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư sau điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Luỹ kế vốn đã giao từ năm 2021-2024				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú		
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó: Ngân sách thị xã (*)	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
													Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã		Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã		Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã		Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã	
1	2	3	4	5	6	7	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
53	Trường MN Phố Châu; HM: Nhà hiệu bộ, nhà ăn, tường rào và sân vườn	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Xã Phố Châu	23/4/2021 14/3/2022	- 533/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 - Quyết định số13919/QĐ-UBND ngày 27/01/2021	6,000	6,000	-		2,570	2,570	-	-	-	2,570	2,570	-	-					
54	Trường MN Phố Nhơn; HM: 06 phòng học, nhà hiệu bộ, sân nền	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	xã Phố Nhơn	18/6/2021 3/6/2022	1156/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	13,138	13,138	-		4,944	4,944	-	-	-	4,944	4,944	-	-					
55	Đầu tư khẩn cấp để chống sạt lở bờ Nam sông Trà Cầu	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Minh	2020	6335/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ	9,500	9,500	-		310	310	-	-	-	310	310	-	-					
56	Khắc phục khẩn cấp để chống sạt lở bờ suối Biện Nhì xã Phố Phong, thị xã Đức Phổ	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	xã Phố Phong	17/12/2021 24/11/2022	13086/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ	12,000	12.000 Vốn ngân sách tính hỗ trợ có mục tiêu	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-					
57	Đường Phố Thuận - Phố Nhơn (Giai đoạn 2)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Thuận	2020-2021	4122/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	9,634	9,634	3,900	3,900	3,633	827	2,806	-	-	3,633	827	2,806	-					
58	Cầu Nguyễn Văn Giá và đường dẫn	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Cường	2020-2021	4111/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	5,000	5,000	2,000	2,000	2,237	2,237	-	-	-	2,237	2,237	-	-					
59	Khắc phục khẩn cấp để chống sạt lở bờ ngăn mặn đầm Bàu Núi thôn Châu Me, xã Phố Châu, thị xã Đức Phổ	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	xã Phố Châu	08/3/2022 26/7/2022	339/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	5,000	5.000 Vốn ngân sách tính hỗ trợ có mục tiêu	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-					
60	Khắc phục khẩn cấp để chống sạt lở bờ Phố Minh, thị xã Đức Phổ	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	phường Phố Minh	04/3/2022 24/12/2022	338/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	14,980	14.980 Vốn ngân sách tính hỗ trợ có mục tiêu	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-					
61	QH phân khu tỷ lệ 1/2000 TTĐT Phố Hòa huyện Đức Phổ	Phòng quản lý đô thị		C	Phố Hòa	2020-2021	956/QĐ-UBND ngày 06/12/2019	3,788	3,788	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-					
62	QH phân khu tỷ lệ 1/2000 TTĐT phía Bắc TT Đức Phổ	Phòng quản lý đô thị		C	thị trấn	2020-2021	955/QĐ-UBND ngày 06/12/2019	4,398	4,398	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-					
63	QH phân khu tỷ lệ 1/2000 TT TT Đức Phổ (điều chỉnh)	Phòng quản lý đô thị		C	thị trấn	2020-2021	962/QĐ-UBND ngày 06/12/2019	3,360	3,360	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-					
64	Khởi thông, cải tạo dòng chảy sông Cầu Bàu huyện Đức Phổ (GD 1)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Hòa	2019-2021	2940/QĐ-UBND ngày 07/8/2019	14,995	14,995	12,000	12,000	2,853	-	2,853	-	-	2,853	-	2,853	-					
65	Khu tái định cư Gò Cỏ Trong	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Thuận	2015-2017	Quyết định số 6742/QĐ-UBND ngày 24/9/2014	3,873	3,873	-		3,496	-	3,496	-	-	3,496	-	3,496	-					
66	Khu tái định cư Lò 2	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Văn	2015-2017	Quyết định số 6739/QĐ-UBND ngày 24/9/2014	6,571	6,571	-		4,614	-	4,614	-	-	4,614	-	4,614	-					
67	Khu tái định cư Rộc Khai	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Văn	2015-2017	Quyết định số 6738/QĐ-UBND ngày 24/9/2014	4,037	4,037	-		3,509	-	3,509	-	-	3,509	-	3,509	-					
68	Khu tái định cư Xóm 14 (phía Nam)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Thuận	2015-2017	Quyết định số 6743/QĐ-UBND ngày 24/9/2014	2,617	2,617	-		2,887	-	2,887	-	-	2,887	-	2,887	-					
69	Khu tái định cư Xóm 14 (phía Bắc)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Thuận	2015-2017	Quyết định số 6741/QĐ-UBND ngày 24/9/2014	3,068	3,068	-		87	-	87	-	-	87	-	87	-					
70	Khu tái định cư Đồng Nà	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Thuận	2015-2017	Quyết định số 6744/QĐ-UBND ngày 24/9/2014	11,828	11,828	-		5,462	-	5,462	-	-	5,462	-	5,462	-					
71	Đường Trà Cầu - Km7 (QL24) (Giai đoạn 2)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ			Phố Văn, Phố Thuận	2020-2021	Quyết định số 4215/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	14,997	14,997	2,000	2,000	12,796	-	12,796	-	-	12,796	-	12,796	-					
72	Trường Mầm non Phố Thuận (Điểm trường thôn Mỹ Thuận)	BQL ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ		C	Phố Thuận	2019-2020	Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 03/10/2019	4,469	4,469	3,335	3,335	989	989	-	-	-	989	989	-	-					

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư sau điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lấy kế vốn đã giao từ năm 2021-2024				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú			
							Quyết định đầu tư	TMDT	Ngân sách thị xã (*)	Tổng số (các nguồn vốn)	NSH	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
													Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã		Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã		Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã		Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã		
1	2	3	4	5	6	7	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
73	Trường Mầm non Phò Quang (Điểm trường thôn Hải Tân)	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ		C	Phò Quang	2019-2020	Quyết định số 3704/QĐ-UBND ngày 03/10/2019	3,906	3,906	2,906	2,906	853	853	-	-	-	853	853	-	-						
74	Quốc lộ 1A - Đai truyền thanh	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ		C	thị trấn	2009-2019	Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 26/9/2008	16,762	9,977	9,872	9,872	105	105	-	-	-	105	105	-	-						
75	Đường QL1A - Phò Vinh	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ		C	phường Phò Vinh	2011 - 2020	2193/QĐ -UBND ngày 14/12/2009	81,000		76,158	11,344	233	233	-	-	-	233	233	-	-						
76	Cầu Hải Tân và đường dẫn	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ		C	Phò Quang	2019-2020	4213/QĐ-UBND ngày 25.10.2018	36,000	36,000	32,400	32,400	1,000	1,000	-	-	-	1,000	1,000	-	-						
77	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường tỉnh lộ ĐT.627B đoạn Phò An - Phò Quang	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ		C	Phò An, Phò Quang	2020-2021	4210/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5,776	5,776	3,000	3,000	1,000	1,000	-	-	-	1,000	1,000	-	-						
78	Kè chống sạt lở Sông Lò Bó	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ		C	phường Phò Hòa	05/4/2021 04/11/2021	571/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	14,980		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-						
79	Đường Đức Phò - Phò Khánh (GD2)	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ		C	Phò Khánh Phò Vinh	2020-2021	Quyết định số 4121/QĐ-UBND ngày 10/10/2020	14,995	14,995	6,000	6,000	3,000	-	3,000	-	-	3,000	-	3,000	-						
80	QH phân khu tỷ lệ 1/2000 TTĐT Phò văn huyện Đức Phổ	Phòng quản lý đô thị		C	Phò Văn	2020-2021	957/QĐ-UBND ngày 06/12/2019	3,788	3,788	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-						
81	QH phân khu tỷ lệ 1/2000 TTĐT phía Đông TT Đức Phổ	Phòng quản lý đô thị		C	Thị trấn	2020-2021	954/QĐ-UBND ngày 06/12/2019	3,394	3,394	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-						
82	QH phân khu tỷ lệ 1/2000 TTĐT Phò Quang, huyện Đức Phổ	Phòng quản lý đô thị		C	Phò Quang	2020-2021	953/QĐ-UBND ngày 06/12/2019	3,742	3,742	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-						
83	San lấp mặt bằng đê Giáo xứ Bàu Góc xây dựng	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ		C	Phò Văn	2019-2020	4285/QĐ-UBND ngày 31.10.2018	3,152	3,152	2,849	2,849	88	-	88	-	-	88	-	88	-						
84	Di dời đường điện 22kv khu tái định cư Gò Cờ Trong	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ		C	Phò Thuận	2015-2017	2185/QĐ-UBND ngày 28/6/2018	428	428	-		398		398	-	-	398	-	398	-						
85	Đường Chu Văn An, huyện Đức Phổ	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ		C	Nguyễn Nghiệm	2019-2022	Quyết định số 4113/QĐ-UBND ngày 19/10/2019	5,500	5,500	2,800	2,800	1,656	-	1,656	-	-	1,656	-	1,656	-						
A2	Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch							37,700	34,105	-	-	21,444	1,500	8,397	11,547	12,322	1,300	4,631	6,392	9,122	200	3,766	5,155			
I	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh							28,983	25,388	-	-	14,123	200	4,190	9,732	5,001	-	424	4,577	9,122	200	3,766	5,155			
-	Dự án quyết toán							28,983	25,388	-	-	14,123	200	4,190	9,732	5,001	-	424	4,577	9,122	200	3,766	5,155			
1	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trung tâm hành chính tập trung mới thị xã Đức Phổ	Phòng quản lý đô thị	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh		Phò Hoà	2024-2025	Quyết định số 8045/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	624.8				532.7	-	347.7	185.0	347.7	-	347.7	-	185.0		-		185.0		
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư phía Tây đường Phạm Văn Đồng	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	Phò Hòa	2024-2025	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 02/02/2024	614.6	614.6			599.5	200.4	299.1	100.0	176.1	-	76.1	100.0	423.4	200.4	223.0				
3	Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045	Phòng quản lý đô thị	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh		Trên địa bàn thị xã	2023	1224/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	9,900.0	6,930.0			4,871.0	-	271.0	4,600.0	3,100.0	-	-	3,100.0	1,771.0			271.0	1,500.0		
4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị phía Bắc đô thị Đức Phổ (Phò Văn- Phò Thuận- Phò An - Phò Quang)	Phòng quản lý đô thị	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh		các xã, phường: Phò An, Phò Văn, Phò Thuận, Phò Quang	2023-2025	1130/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	12,745.8	12,745.8			5,182.3	-	2,672.3	2,510.0	1,000.0	-	-	1,000.0	4,182.3			2,672.3	1,510.0		
5	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phò Thanh	Phòng quản lý đô thị	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh		phường Phò Thanh	2023-2025	2814/QĐ-UBND ngày 26/7/2024	5,097.9	5,097.9			2,937.3	-	600.0	2,337.3	377.3	-	-	377.3	2,560.0			600.0	1,960.0		
II	Sở Nông nghiệp và Môi trường							8,717	8,717	-	-	7,321	1,300	4,207	1,814	7,321	1,300	4,207	1,814	-	-	-	-	-		
-	Dự án quyết toán							8,717	8,717	-	-	7,321	1,300	4,207	1,814	7,321	1,300	4,207	1,814	-	-	-	-	-		
1	Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 TX Đức Phổ	Phòng tài nguyên và môi trường thị xã Đức Phổ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	C	Trên địa bàn thị xã	2021-2022	Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 19/3/2021	3,138.0	3,138.0	-		3,053.0	1,300.0	1,753.0	-	-	3,053.0	1,300.0	1,753.0	-						

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư sau điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lấy kế vốn đã giao từ năm 2021-2024				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú	
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó: Ngân sách thị xã (*)	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã		Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã		Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã		Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã
1	2	3	4	5	6	7	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
2	Lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Đức Phổ	Phòng tài nguyên và môi trường thị xã Đức Phổ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	C	TX Đức Phổ	2023-2025	Quyết định số 6374/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	5,579.0	5,579.0			4,268.3	-	2,454.1	1,814.2	4,268.3	-	2,454.1	1,814.2					
A3	Dự án chuyển về các Sở, ban, ngành tỉnh							1,025,226	480,070	-	-	211,234	42,679	115,224	53,330	127,634	16,676	78,991	31,967	83,601	26,004	36,234	21,363	
I	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh							938,726	393,570	-	-	179,185	42,679	83,175	53,330	113,760	16,676	65,117	31,967	65,424	26,004	18,057	21,363	
-	Dự án quyết toán							132,570	132,570	-	-	41,838	14,927	2,288	24,622	26,375	3,920	2,288	20,167	15,462	11,007	-	4,455	
1	Đầu tư các nghĩa trang nhân dân trên địa bàn thị xã	BQL DA ĐTXD và PTQD	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	xã Phổ Cường và xã Phổ Khánh	16/2/2023 30/5/2024	4997/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	14,990.0	14,990.0			12,621.0	-	-	12,621.0	10,111.0	-	-	10,111.0	2,510.0				2,510.0
2	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường Trung tâm văn hóa thị xã Đức Phổ	Ban QLDA ĐTXD và PTQD	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	Phường Nguyễn Nghiêm	13/3/2024 9/10/2024	-7054/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 - 3186/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	5,243.0	5,243.0			5,054.0	5,054.0	-	-	3,920.0	3,920.0	-	-	1,134.0	1,134.0			
3	Hồ chứa nước Bàu Đen	Ban QLDA ĐTXD và PTQD	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	Xã Phổ Cường, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	29/12/2021 15/8/2024	2267/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	75,000.0	75,000.0			1,851.8	923.8	-	928.0	-	-	-	-	1,851.8	923.8			928.0
4	Trường Tiểu học Phố Khánh; Hang mục: Nhà hiệu bộ, nhà đa năng và Hệ thống PCCC ngoài nhà	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	xã Phổ Khánh	2024-2025	720/QĐ-UBND ngày 5/3/2024	11,000.0	11,000.0			9,074.5	1,874.5	2,000.0	5,200.0	7,200.0	-	2,000.0	5,200.0	1,874.5	1,874.5			
5	Trường Tiểu học số 2 Phố Thanh; Hang mục: 04 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	Phường Phố Thanh	2025	4668/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	8,546.9	8,546.9			7,542.2	7,075.0	-	467.2	467.2	-	-	467.2	7,075.0	7,075.0	-	-	
6	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường Núi Bàu - Liệt Sơn	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	phường Phố Hoà	2024 -2025	Số 6917/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của	7,000.0	7,000.0	-		5,379.3	-	-	5,379.3	4,389.1	-	-	4,389.1	990.2				990.2
7	Tuyến đường từ nhà ông Lương đi Khu thương mại huyện Đức Phổ	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	thị trấn		Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	10,790.0	10,790.0			314.8	-	287.8	27.0	287.8	-	287.8	-	27.0				27.0
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							806,156	261,000	-	-	137,347	27,752	80,887	28,708	87,385	12,756	62,830	11,800	49,962	14,997	18,057	16,908	
8	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	Phường Phố Minh, phường Phố Ninh		13591/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 2715/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	100,000.0	50,000.0			42,135	5,000	30,135	7,000	21,332.6	-	21,332.6	-	20,802.8	5,000.0	8,802.8	7,000.0	
9	Chỉnh trang các tuyến đường Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền, thị xã Đức Phổ	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	Phường Nguyễn Nghiêm	2023-2025	Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	75,000.0	75,000.0			66,507	22,752	41,655	2,100	53,510.4	12,755.6	40,654.8	100.0	12,996.6	9,996.6	1,000.0	2,000.0	
10	Tuyến đường QL1A-Mỹ Á - KCN Phố Phong (GD1)	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	Phường Nguyễn Nghiêm	2011-2025	888/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	45,156.0				6,031	-	2,031	4,000	-	-	-	-	6,031.0		2,031.0	4,000.0	
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mỹ Trang - Phố Khánh	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	xã Phổ Cường, xã Phổ Khánh	2022-2024	4995/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	21,000.0	21,000.0			10,974	-	7,066	3,908	842.4	-	842.4	-	10,131.5		6,223.7	3,907.8	
12	Cầu Thanh Đức	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	B	Phường Phố Thanh	2023-2027	Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 29/05/2023	265,000.0	15,000.0			-	-	-	-	-	-	-	-	-				
13	Kê chống sụt lỏ bờ sông Trà Cầu	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	phường Phố Ninh, phường Phố Minh	2022-2024	13593/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	50,000.0				-	-	-	-	-	-	-	-					
14	Hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ cầu Bàu đến sông Rô)	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	B	Phường Nguyễn Nghiêm, phường Phố Minh, phường Phố Hoà, thị xã Đức Phổ	2022-2025	2973/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	170,000.0	20,000.0			-	-	-	-	-	-	-	-					

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư sau điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lấy kế vốn đã giao từ năm 2021-2024				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú	
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó: Ngân sách thị xã (*)	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã		Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã	Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã		Vốn tính phân cấp	Vốn đất thị xã		Vốn khác (tổng thu, TKC...) của thị xã
1	2	3	4	5	6	7	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
15	Khắc phục các điểm sạt lở bờ sông Trà Cầu đoạn qua phường Phổ Minh, thị xã Đức Phổ	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	BQLĐA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	C	phường Phổ Minh		1409/QĐ-UBND ngày 15/4/2025	80,000.0	80,000.0			11,700	-	-	11,700	11,700.0	-	-	11,700.0	-	-	-	-	
II	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh							86,500	86,500	-	-	32,049	-	32,049	-	13,873	-	13,873	-	18,176	-	18,176	-	-
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							86,500	86,500	-	-	32,049	-	32,049	-	13,873	-	13,873	-	18,176	-	18,176	-	-
1	Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	Nguyễn Nghiêm	2023-2025	2073/QĐ-UBND ngày 05/5/2023	42,600.0	42,600.0			16,567.3	-	16,567.3	-	8,167.3	-	8,167.3	-	8,400.0	-	8,400.0	-	
2	Khu dân cư dọc 2 bên đường bê tông An Lợi – Phước Hạ xã Phổ Nhơn	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	Phổ Nhơn	2022-2025	13674/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	5,500.0	5,500.0	-		784.8	-	784.8	-	784.8	-	784.8	-		-		-	
3	Khu dân cư Hùng Nghĩa xã Phổ Phong	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	Phổ Phong	2022-2025	Quyết định số 13673/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	3,400.0	3,400.0	-		521.0	-	521.0	-	521.0	-	521.0	-		-		-	
4	Khu dân cư đường Phạm Hữu Nhật	BQL ĐTXD và PTQD thị xã Đức Phổ	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	Nguyễn Nghiêm	2023-2025	2344/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	35,000.0	35,000.0			14,176.4	-	14,176.4	-	4,400.1	-	4,400.1	-	9,776.3	-	9,776.3	-	
B	NHÓM DỰ ÁN XÃ (CỦ) LÀM CHỦ ĐẦU TƯ CHUYỂN VỀ XÃ							72,191	72,191	-	-	21,960	-	21,960	-	21,960	-	21,960	-	-	-	-	-	HTMT
I	UBND Phường Đức Phổ							23,777	23,777	-	-	4,871	-	4,871	-	4,871	-	4,871	-	-	-	-	-	-
-	Bố trí trả nợ quyết toán							23,777	23,777	-	-	4,871	-	4,871	-	4,871	-	4,871	-	-	-	-	-	-
1	Đoạn đường Phạm Văn Đồng giáp tuyến đường Trần Hưng Đạo	UBND phường Nguyễn Nghiêm	UBND phường Đức Phổ	C	thị trấn	2017 - 2025	4699/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14,777	14,777			721	-	721	-	721	-	721	-	-	-	-	-	
2	Đập Giảng	UBND Phường Phổ Minh	UBND phường Đức Phổ	C	Phổ Minh	2022-2023		2,500	2,500			2,227	-	2,227	-	2,227	-	2,227	-	-	-	-	-	
3	Hệ thống thoát nước tuyến đường Đỗ Quang Thắng và Huỳnh Công Thiệu	UBND phường Nguyễn Nghiêm	UBND phường Đức Phổ	C	Nguyễn Nghiêm	2020	4205/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ	6,500	6,500	-		1,923	-	1,923	-	1,923	-	1,923	-	-	-	-	-	
II	UBND Phường Trà Cầu							19,787	19,787	-	-	5,360	-	5,360	-	5,360	-	5,360	-	-	-	-	-	-
-	Bố trí trả nợ quyết toán							19,787	19,787	-	-	5,360	-	5,360	-	5,360	-	5,360	-	-	-	-	-	-
1	KDC Bao Điền xã Phổ An	UBND xã Phổ An	UBND phường Trà Cầu	C	Phổ An	2018-2020	4700/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ	14,800	14,800	-		837	-	837	-	837	-	837	-	-	-	-	-	
2	Khu dân cư vùng 1 thôn Hải Tân xã Phổ Quang (nay phường Phổ Quang; Hàng mục san nền cắm cọc phân lô đất ở)	UBND phường Phổ Quang	UBND phường Trà Cầu	C	Phổ Quang	2011-2020	4388/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ	4,987	4,987	-		4,523	-	4,523	-	4,523	-	4,523	-	-	-	-	-	
III	UBND xã Nguyễn Nghiêm							4,000	4,000	-	-	3,925	-	3,925	-	3,925	-	3,925	-	-	-	-	-	-
-	Bố trí trả nợ quyết toán							4,000	4,000	-	-	3,925	-	3,925	-	3,925	-	3,925	-	-	-	-	-	-
1	Cầu Suối Đức	UBND xã Phổ Nhơn	UBND xã Nguyễn Nghiêm	C	Phổ Nhơn	2022-2023	13690/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	4,000	4,000			3,925	-	3,925	-	3,925	-	3,925	-	-	-	-	-	
IV	UBND xã Khánh Cường							24,627	24,627	-	-	7,804	-	7,804	-	7,804	-	7,804	-	-	-	-	-	-
-	Bố trí trả nợ quyết toán							24,627	24,627	-	-	7,804	-	7,804	-	7,804	-	7,804	-	-	-	-	-	-
1	KDC Gò Cát Dừa	UBND xã Phổ Cường	UBND xã Khánh Cường	C	Phổ Cường	2017-2019	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 06/8/2013	14,772	14,772	-		3,434	-	3,434	-	3,434	-	3,434	-	-	-	-	-	
2	KDC Gò Cát ông Triều	UBND xã Phổ Cường	UBND xã Khánh Cường	C	Phổ Cường	2017-2019	Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 06/8/2013	9,855	9,855	-		4,370	-	4,370	-	4,370	-	4,370	-	-	-	-	-	
C	Đối ứng trả nợ các dự án thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới đã quyết toán hoàn thành											50,661	48,069	-	2,592	32,179	32,179	-	-	18,215.731	15,623.720		2,592.011	Giao chỉ tiết tại Quyết định riêng của các CTMTQG

Ghi chú:

(*) : Chuẩn xác sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định đầu tư dự án.

(**): Giao UBND tỉnh rà soát, giao chủ đầu tư theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.